

CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1990 - 2004

NGUYỄN HỒNG NHUNG^(*)

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá - đạo đức, thuộc đời sống tinh thần, tâm linh của con người, đã ăn sâu vào đời sống của nhiều dân tộc và còn tồn tại lâu dài khi con người còn có nhu cầu tâm lí được an ủi, còn có những ước mơ về một cuộc sống thần tiên ở thế giới bên kia.

Bất cứ một Nhà nước nào cũng phải định ra thái độ ứng xử đối với tôn giáo. Đó là chính sách tôn giáo. Tùy theo điều kiện lịch sử của mỗi quốc gia mà chính sách tôn giáo được thể hiện khác nhau. Ở Việt Nam, chính sách về tôn giáo được thực hiện nhất quán là “bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của công dân”.

Trước đòi hỏi của thực tiễn, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thấy sự cần thiết phải đổi mới trong nhận thức, đường lối, chính sách về tôn giáo. Nghị quyết 24-NQ/TW là mốc mở đầu quan trọng đánh dấu quá trình đổi mới ấy. Kể từ khi Nghị quyết này ra đời đến nay, trong đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều đổi mới, ngày càng cởi mở, thông thoáng hơn, đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của quần chúng. Từ đó, làm cho quần chúng yên tâm, phấn khởi, tin tưởng vào chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước.

1. Bước đầu đổi mới nhận thức, đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam giai đoạn 1990 - 1997

Việt Nam trước Đổi Mới từng tồn tại những quan điểm giải thích đúng thực chất và phân tích sâu sắc các luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo nhưng cũng có nhiều nội dung chưa được làm rõ, thậm chí giải thích sai lệch hoặc nhìn tôn giáo chỉ như một hiện tượng tiêu cực. Nhưng hiện thực lịch sử và thời đại đã cho thấy tôn giáo là nhu cầu tâm linh của một bộ phận loài người và có nhiều yếu tố tích cực cần kế thừa, phát huy.

Công cuộc đổi mới, mà trước hết là đổi mới tư duy lí luận về tôn giáo đã có những thành tựu đáng ghi nhận. *Đổi mới trong nhận thức* thể hiện ở chỗ nhìn nhận, đánh giá lại về tôn giáo, xác định tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài, điều này khắc phục cái nhìn hạn chế vốn phổ biến trong những người cộng sản trước đây là cho rằng tôn giáo sẽ bị diệt vong và nôn nóng muốn khắc phục tôn giáo một cách nhanh chóng. Đảng ta còn cho rằng tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, thể hiện sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Coi đạo đức tôn giáo có nhiều

*. ThS., Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.

điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới tức là thừa nhận những giá trị tích cực của tôn giáo, tôn giáo hoàn toàn có thể đồng hành với chủ nghĩa xã hội. Đảng ta xác định nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, khác với quan điểm trước đây đồng nhất tôn giáo với chính trị, coi đó là công cụ để các thế lực phản động lợi dụng chống lại chính quyền cách mạng cho nên nội dung của công tác tôn giáo là “đấu tranh”, là công tác “đánh địch lợi dụng”. Đó là sự thay đổi cách nhìn nhận tôn giáo theo kiểu dịch - ta chuyển sang dân vận.

Từ những đổi mới nhận thức như trên dẫn đến *đổi mới đường lối tôn giáo*. Các chính sách tôn giáo cụ thể đều phải dựa trên cơ sở những nguyên tắc chỉ đạo sau:

Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của nhân dân; Mọi công dân đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, không phân biệt người theo đạo và không theo đạo, cũng như giữa những người không theo các tôn giáo khác nhau; Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Những hoạt động tôn giáo ích nước, lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm; Những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, kể cả văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể được tôn trọng và khuyến khích phát huy; Mọi cá nhân và tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; Mọi hành vi lợi dụng tôn giáo gây mất trật tự an toàn xã hội, phương hại nền độc lập dân tộc, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại Nhà nước

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam... đều bị xử lý theo pháp luật.

Ngày 16/10/1990, Bộ Chính trị ra *Nghị quyết số 24/NQ-TW Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*. Đây là văn bản có tính đột phá, mở ra bước ngoặt trong đổi mới chính sách tôn giáo của Đảng ta. Nghị quyết ra đời trong một thời điểm lịch sử đặc biệt, khi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã sụp đổ, những quan điểm tả khuynh về tôn giáo vẫn còn chế ngự. Thực tế trước khi có Nghị quyết 24, ở Việt Nam đã xuất hiện một số ý kiến của giới chính trị cũng như giới nghiên cứu thể hiện đổi mới nhận thức về tôn giáo nhưng phải đến Nghị quyết 24 thì những luận điểm này mới chính thức được thừa nhận trên văn bản. Thực tế ở một số địa phương lúc này vẫn còn tình trạng hạn chế nhu cầu tôn giáo của người dân quá mức. Cho nên để khắc phục cái nhìn hạn chế về tôn giáo, Nghị quyết 24 đã nêu: “Cần khắc phục nhận thức thiển cận đối với tôn giáo và thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo”⁽¹⁾.

Nghị quyết tiếp tục khẳng định những quan điểm đã được nêu trong các văn bản trước đó như “chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện đoàn kết lương - giáo, đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, “đồng bào theo đạo hay không theo đạo đều là công dân Việt Nam có quyền và nghĩa vụ bình đẳng như nhau trước pháp luật”⁽²⁾, “bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của mọi công

1. *Nghị quyết về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*. Phòng Thông tin tư liệu BTGCP, số 24.

2. *Nghị quyết về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*... Sđd.

dân. Công dân theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật, được hưởng mọi quyền và nghĩa vụ của công dân”, “những hoạt động tôn giáo vì lợi ích chính đáng và hợp pháp của tín đồ được bảo đảm”⁽³⁾. Sự tập trung những luận điểm mang tính đột phá thể hiện đổi mới tư duy, nhận thức về tôn giáo đưa Nghị quyết 24 trở thành văn bản mở đầu trong quá trình đổi mới nhận thức, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta. Những luận điểm quan trọng ấy là:

– “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài.”

– “Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân.”

– “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”

– “Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng”⁽⁴⁾.

Như vậy, so với Nghị quyết 297 và những văn bản ban hành trước NQ.24/TW thì đây là lần đầu tiên trong văn kiện Đảng, tôn giáo được thừa nhận là một hiện tượng xã hội còn tồn tại lâu dài, là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội hiện nay.

Luận điểm “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài” đã khắc phục cái nhìn hạn chế về tôn giáo vốn phổ biến trong những người cộng sản quốc tế cũng như ở Việt Nam trước đây nôn nóng muốn khắc phục tôn giáo một cách nhanh chóng và còn dự báo về sự tiêu vong của tôn giáo. Tuy nhiên, trên thực tế, khi chủ nghĩa xã hội ở một số nước suy yếu, sụp đổ thì tôn giáo không

những không bị mất đi mà thậm chí còn phát triển mạnh mẽ hơn và tạo nên sự phản ứng mạnh mẽ từ phía người có đạo, tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch, khoét sâu thêm rạn nứt trong hệ thống chủ nghĩa xã hội. Đảng ta đưa ra quan điểm này cũng là phù hợp với xu hướng đổi mới tiên bộ của thế giới. Ở Trung Quốc, sự đổi mới chính sách tôn giáo cũng bắt đầu từ nhận thức tôn giáo sẽ còn tồn tại lâu dài với chủ nghĩa xã hội.

Luận điểm “Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân” thể hiện sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới” tức là tôn giáo hoàn toàn có thể đồng hành với chủ nghĩa xã hội. Luận điểm này vừa thể hiện sự đa dạng của văn hoá dân tộc, vừa tạo ra thêm một con đường đoàn kết dân tộc, tôn giáo. Khai thác tốt các giá trị văn hoá, đạo đức tôn giáo là cách tốt nhất để cho nhiều tôn giáo thuận lợi hơn trong quá trình “tìm về dân tộc”. Đây là một luận điểm mới được đưa vào Nghị quyết nhưng thực chất điểm tích cực này của tôn giáo đã được khẳng định từ lâu.

Một điểm mới quan trọng nữa của Nghị quyết 24 so với các văn bản trước đó là xác định: “Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, (...) nội dung cốt lõi của công tác đối với đồng bào có đạo là phải chăm lo giải quyết những lợi ích thiết thân, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, giúp đồng bào nâng cao trình độ mọi mặt và

3. Nghị quyết về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới... Sđd.

4. Nghị quyết về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới... Sđd.

đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc⁽⁵⁾.

Nghị quyết còn xác định cụ thể nhiệm vụ của công tác tôn giáo hiện nay là: “Ra sức chăm lo cuộc sống vật chất, văn hoá, nâng cao trình độ mọi mặt của đồng bào có đạo”, “tích cực vận động đồng bào đồng hương các tôn giáo tham gia các đoàn thể và tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng, làm cho dân giàu, nước mạnh, đồng bào các tôn giáo có cuộc sống tốt đời đẹp đạo, (...) hướng dẫn chức sắc các giáo hội hoạt động tôn giáo theo đúng luật pháp, ủng hộ xu hướng tiến bộ trong các tôn giáo, làm cho các giáo hội ngày càng gắn bó với dân tộc và sự nghiệp cách mạng của toàn dân”...⁽⁶⁾.

Nghị quyết tiếp tục đưa ra những chính sách cụ thể đối với tín đồ, chức sắc các tôn giáo, tổ chức của các giáo hội, các cơ sở hoạt động xã hội - văn hoá, từ thiện của tôn giáo, đối với quan hệ quốc tế của tôn giáo.

Trước tình hình thực tế còn nhiều phức tạp, các thế lực thù địch vẫn không ngừng dùng mọi thủ đoạn lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, Nghị quyết cũng lưu ý: “Chúng ta không được lơ là cảnh giác, buông lỏng công tác tôn giáo, (...) cuộc đấu tranh chống các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo chỉ thành công thông qua công tác vận động quần chúng, làm cho tín đồ và các chức sắc nhận rõ âm mưu, thủ đoạn đen tối của bọn phản động, tự giác đấu tranh chống lại chúng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng chính đáng của mình, bảo vệ an ninh Tổ quốc”...⁽⁷⁾

Nghị quyết 24 cho thấy chính sách tôn giáo rõ ràng đã cởi mở hơn nhiều, toàn bộ nội dung đều toát lên quan điểm thừa

nhận tôn giáo có nhiều điểm tích cực và muốn đồng bào các tôn giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc và sự nghiệp cách mạng của toàn dân. Sự chuyển biến này là hoàn toàn phù hợp với xu thế đổi mới chính sách tôn giáo của các nước trên thế giới. Hơn nữa, sự chuyển biến này còn đáp ứng nguyện vọng tha thiết của đồng bào các tôn giáo, đồng thời thúc đẩy cải thiện mối quan hệ giữa những người lương - giáo, giữa những người cộng sản với những người theo tôn giáo theo chiều hướng tốt đẹp hơn, làm cho đồng bào các tôn giáo ngày càng gắn bó với dân tộc. Cũng từ đây, Nghị quyết 24 mở ra hàng loạt các văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo trên cơ sở tiếp tục khẳng định các quan điểm của Nghị quyết 24 và bổ sung thêm những điểm mới làm cho đường lối, chính sách tôn giáo mới ngày càng định hình rõ nét hơn.

Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị được thừa nhận là sự đổi mới tư duy của Đảng ta về tôn giáo. Điều đó làm chuyển đổi nhận thức của không ít cán bộ đảng viên, khắc phục một bước thái độ phân biệt đối xử với đồng bào có đạo; đồng thời tìm tòi sự tương đồng, chấp nhận sự khác biệt để phát huy mọi nhân tố tích cực có trong tôn giáo.

Ngày 21/3/1991, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành *Nghị định số 69/HĐBT về các hoạt động tôn giáo* đề cập đến nhiều nội dung trong lĩnh vực tôn giáo. Nghị định gồm 28 điều. Ngoài

5. *Nghị quyết về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới...* Sdd.

6. *Nghị quyết về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới...* Sdd.

7. *Nghị quyết về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới...* Sdd.

những nội dung kế thừa các văn bản quy phạm pháp luật trước đó như sắc lệnh 234/SL, Nghị quyết 297/NQ... Nghị định còn bổ sung, làm rõ thêm một số nội dung, đó là:

- Nhà nước không chỉ bảo đảm những hoạt động tôn giáo vì lợi ích chính đáng và hợp pháp của tín đồ mà còn khuyến khích những hoạt động tôn giáo vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

- Về việc theo đạo của tín đồ, ngoài việc khẳng định mọi công dân có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo, Nghị định còn bổ sung thêm: Công dân có quyền từ bỏ hoặc thay đổi tôn giáo.

- Nghị định có quy định những hoạt động tôn giáo thông thường không phải xin phép (như các buổi cầu nguyện, hành lễ, giảng đạo, dạy giáo lý...) và những hoạt động tôn giáo bất thường, vượt ra ngoài tập quán thông thường phải xin phép.

- Một điểm mới trong quản lý của Nhà nước về vấn đề hành đạo là: nơi thờ tự của tôn giáo được Nhà nước bảo hộ, các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm bảo vệ, tu bổ. Những công việc sửa chữa, coi nơi và làm thay đổi kiến trúc công trình phải được Ủy ban Nhân dân tỉnh, hoặc cấp hành chính tương đương chấp thuận.

Ở các khu vực cư dân đã ổn định và vùng kinh tế mới, nếu các tín đồ có nhu cầu xây dựng nơi thờ tự thì phải xin phép Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc cấp hành chính tương đương xem xét, quyết định.

- Quy định về quản lý Nhà nước đối với các dòng tu hoặc các hình thức tu hành tập thể, muốn hoạt động phải xin phép và được sự chấp thuận của Hội đồng Bộ trưởng hoặc cơ quan được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền.

- Một điểm mới nữa trong quản lý của Nhà nước về vấn đề hành đạo được nêu trong Nghị định này là: Quy định về quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo như việc phong chức, bổ nhiệm, việc cử người ra nước ngoài tham dự các hoạt động tôn giáo hay đại biểu các tổ chức tôn giáo nước ngoài vào nước ta; về hoạt động viện trợ của các tổ chức tôn giáo nước ngoài và việc nhận viện trợ của tổ chức, cá nhân tôn giáo trong nước.

Trong *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* năm 1992, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được ghi rõ tại điều 70: "Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật."

Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước⁽⁸⁾.

Ngày 23/7/1993, Thủ tướng Chính phủ ban hành *Chỉ thị số 379/TTg về các hoạt động tôn giáo*, cho phép tu sửa nơi thờ tự của các tôn giáo bị hư hỏng, xuống cấp; cho phép in ấn các kinh sách tôn giáo theo đúng luật về xuất bản, đặc biệt "tạo điều kiện cho các tôn giáo đào tạo giáo sĩ, tăng tài trong nước tại các cơ sở đào tạo đã được Nhà nước cho phép. Các tôn giáo được cử các chức sắc đi đào tạo ở nước ngoài nếu thực sự có nhu cầu..."⁽⁹⁾.

Toàn bộ những quan điểm đổi mới của Nghị quyết 24 đã được đưa vào *Văn kiện*

8. Ban Tôn giáo Chính phủ. *Các văn bản của Nhà nước về hoạt động tôn giáo*, Hà Nội, 1997, tr. 7.

9. Ban Tôn giáo Chính phủ. *Các văn bản của Nhà nước về hoạt động tôn giáo*,...Sdd, tr. 72.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991): “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương - giáo và các tôn giáo khác. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân”⁽¹⁰⁾.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) tiếp tục khẳng định: “Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật”, “đảm bảo cho sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật Nhà nước”, “Nhà nước chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giúp đỡ đồng bào có đạo xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống, tham gia các công việc xã hội từ thiện”, “đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống “tốt đời, đẹp đạo”⁽¹¹⁾.

Qua một số văn kiện chính từ năm 1990 đến năm 1997, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có sự đổi mới về chính sách tôn giáo thể hiện ở việc quản lý của Nhà nước trên các mặt theo đạo, hành đạo và truyền đạo. Cụ thể như sau:

Về vấn đề theo đạo: Đảng và Nhà nước Việt Nam thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng và tự do không tôn giáo, tín ngưỡng của công dân. Đồng bào theo đạo hay không theo đạo đều là công dân Việt Nam, có quyền và nghĩa vụ bình đẳng

như nhau. Mọi công dân có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo, từ bỏ hoặc thay đổi tôn giáo. Đồng bào có đạo được sinh hoạt tôn giáo bình thường, có nơi thờ tự, kinh sách và đồ dùng trong việc đạo. Chức sắc được hoạt động tôn giáo theo đúng luật pháp Nhà nước tại nơi mình phụ trách.

Việc quản lý của Nhà nước trong *vấn đề hành đạo* có những quy định mới là: Nơi thờ tự của tôn giáo được Nhà nước bảo hộ. Các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm bảo vệ, tu bổ. Những công việc sửa chữa, coi nơi và làm thay đổi kiến trúc công trình cũng như các tín đồ có nhu cầu xây dựng nơi thờ tự thì phải xin phép Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc cấp hành chính tương đương xem xét, quyết định. Quy định về quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo như việc phong chức, bổ nhiệm, việc cử người ra nước ngoài tham dự các hoạt động tôn giáo hay đại biểu các tổ chức tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam; về hoạt động viện trợ của các tổ chức tôn giáo nước ngoài và việc nhận viện trợ của tổ chức, cá nhân tôn giáo trong nước.

Vấn đề truyền đạo gần như chưa được đề cập nhiều trong các văn bản trên, mới chỉ được nhắc đến trong điều 9 của Nghị định 69-HĐBT (21/3/1991) là: “...Các lớp bồi linh của mục sư và truyền đạo của đạo Tin Lành... phải xin phép Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc cấp hành chính tương đương”.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, HN, 1991, tr. 127, 128.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện thời kì đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) về đại đoàn kết dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 2005, tr. 58.

2. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta giai đoạn 1998 - 2004

Chỉ thị số 37-CT/TW của Bộ Chính trị Về công tác tôn giáo trong tình hình mới ban hành ngày 2/7/1998 và các văn bản pháp luật của Nhà nước đã tiếp tục khẳng định tinh thần của Nghị quyết 24 và nêu ra một số nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo. Chỉ thị vẫn nhất quán các nguyên tắc đã được khẳng định ở các văn bản trước đó, cụ thể là: Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân; Đoàn kết gắn bó đồng bào theo các tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân; Mọi cá nhân hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; Những hoạt động tôn giáo ích nước, lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm; Mọi hành vi lợi dụng tôn giáo làm mất trật tự an toàn xã hội, phương hại nền độc lập dân tộc, phá hoại khối đoàn kết... đều bị xử lý theo pháp luật; Công tác tôn giáo phải vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống dịch lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp cách mạng; Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng; Công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

Nghị định số 26/1999/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 19/4/1999 cũng khẳng định lại các văn bản pháp luật trước đó về các vấn đề như:

Về vấn đề theo đạo: Mọi công dân có quyền tự do theo hoặc không theo một tôn giáo nào, từ bỏ hoặc thay đổi tôn giáo.

Về vấn đề hành đạo: So với các văn bản trước đó thì Nghị định 26/1999/NĐ-CP quy định cụ thể, chi tiết hơn. Nghị định vẫn tiếp tục khẳng định những quy định trong các văn bản trước đó về cơ sở thờ tự của tổ chức tôn giáo. Ngoài ra có bổ sung thêm nội dung: Nhà, đất và các tài sản khác đã được tổ chức, cá nhân tôn giáo chuyển giao cho các cơ quan Nhà nước quản lý, sử dụng do thực hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tặng, hiến, cho Nhà nước thì đều thuộc quyền sử hữu của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quy định mới này có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý trong giải quyết những tranh chấp về vấn đề đất đai, cần tiếp tục được bổ sung.

Nghị định còn quy định cụ thể về việc mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành tôn giáo, phong cấp, bổ nhiệm, chuyển, quan hệ quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo tùy từng trường hợp phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Ban Tôn giáo Chính phủ.

Quản lý Nhà nước về *vấn đề truyền đạo* được bổ sung thêm nội dung: “Tổ chức, cá nhân nước ngoài, kể cả tổ chức, cá nhân tôn giáo vào Việt Nam để hoạt động ở các lĩnh vực không phải là tôn giáo thì không được tổ chức, điều hành hoặc tham gia tổ chức, điều hành các hoạt động tôn giáo, không được truyền bá tôn giáo” (khoản 2, điều 25).

Trong *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX* (2001), Đảng tiếp tục khẳng định những quan điểm đã được

nêu ra trong các kì Đại hội trước, đồng thời bổ sung một số điểm mới: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống “tốt đời, đẹp đạo”, phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hoá, đạo đức của tôn giáo, từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo. (...) Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để kích động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia”⁽¹²⁾.

Sau 13 năm thực hiện chính sách đổi mới đối với tôn giáo, tổng kết thực tiễn, ngày 12/3/2003, Ban Chấp hành Trung ương khoá IX ra *Nghị quyết số 25/NQ-TW về công tác tôn giáo*. Nghị quyết này là sự tiếp tục quá trình đổi mới tư duy của Đảng trong lĩnh vực tôn giáo trên cơ sở tái khẳng định những quan điểm trước đó và bổ sung thêm những điểm mới. Nghị quyết 25 đã trở thành nền tảng chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo trong thời kì đổi mới.

Trước tiên, Nghị quyết 25 tái khẳng định quan điểm “Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân” đã nêu ở Nghị quyết 24 (1990). Nếu ở Nghị quyết 24, Đảng ta đã khẳng định:

“Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài” thì Nghị quyết 25 bổ sung cụ thể hơn, coi tín ngưỡng tôn giáo không chỉ là vấn đề còn tồn tại lâu dài mà còn được xác định rõ là “đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Điều này thể hiện sự đổi mới quan trọng trong tư duy của Đảng về tôn giáo. Nếu quan điểm của những người cộng sản trong giai đoạn chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh trước kia cho rằng khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tôn giáo sẽ tiêu vong thì đến đây Đảng ta khẳng định tôn giáo đồng hành với chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết 25 còn nhấn mạnh yếu tố đoàn kết trong hoàn cảnh lịch sử mới: “Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường khối đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc (...). Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo (...). Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước”⁽¹³⁾. Bên cạnh đó, Nghị quyết 25 còn đề cao loại hình tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên: “Giữ gìn và phát huy giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân”⁽¹⁴⁾. Kế thừa quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc coi

12. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 2001, tr. 128.

13. Đảng cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết 25-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác tôn giáo*, 2003, tr. 2.

14. Đảng cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết 25-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7...*, tr. 3.

trọng điểm tương đồng giữa người không có tín ngưỡng và người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau cùng phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, tự do, hạnh phúc, Nghị quyết coi: “Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung”⁽¹⁵⁾.

Có một điểm mới nữa trong Nghị quyết 25 so với các văn bản trước đó là quy định rõ hơn về vấn đề truyền đạo, đó là: “Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật”

Về nhiệm vụ công tác tôn giáo, Nghị quyết 25 nêu ra các yêu cầu nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đồng bào có đạo, cho thấy sự quan tâm của Đảng, thực sự vì lợi ích của đồng bào, muốn đồng bào đồng hành cùng dân tộc vì mục tiêu chung dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đó là: “Nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo. (...) Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và pháp luật Nhà nước. (...) Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo” trong quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành cơ sở”⁽¹⁶⁾.

Trong Nghị quyết, Đảng ta còn đưa ra nhiều giải pháp cho công tác tôn giáo, đặc biệt có giải pháp đầu tiên là: “Tập

trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo”⁽¹⁷⁾. Điều này không chỉ cho thấy sự đổi mới nhận thức về tôn giáo của Đảng mà còn chứng tỏ Đảng ta thực sự muốn thay đổi cách nhìn trước đây của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với vấn đề tôn giáo, vì mục tiêu “tăng cường sự đồng thuận giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo và những người không có tín ngưỡng, tôn giáo; giữa những người có các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau”⁽¹⁸⁾.

Xuất phát từ nhu cầu hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân trong thời kì đổi mới và yêu cầu thực hiện công tác quản lí Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, ngày 18/6/2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI đã thông qua *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo*. Sau đó, ngày 29/6/2004 Chủ tịch nước đã kí lệnh công bố *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2004. *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* gồm 6 chương, 41 điều. So với Nghị định 26/NĐ-CP (19/4/1999) của Chính phủ và các quy phạm pháp luật về tôn giáo trước đây, *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* bổ sung thêm nhiều điểm mới, cụ thể là:

15. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết 25-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo*, tr. 4.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết 25-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7...*, đã dẫn, tr. 5.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết 25-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7...*, đã dẫn, tr. 5.

18. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết 25-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7...*, đã dẫn, tr. 5.

So với các văn bản trước đây, *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* đã tạo một bước tiến mới trong chính sách tôn giáo của Nhà nước ta, đó là:

Về vấn đề theo đạo: Pháp lệnh vẫn khẳng định công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Nhà nước bảo đảm quyền hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Về vấn đề hành đạo: Các nội dung thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức, phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, chuyển nơi hoạt động, thành lập trường đào tạo, tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình, xuất bản, in, phát hành các loại kinh sách, việc di dời các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, về quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc đều được quy định chi tiết, cụ thể hơn nhiều. Thậm chí có những nội dung trong các văn bản trước chỉ được đề cập đến trong một điều hay trong một vài điều thì đến đây được đề cập trong cả một chương, chẳng hạn như vấn đề quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc hay tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động xã hội của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc.

Trong từng nội dung trên có những bổ sung, điều chỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động của các tổ chức tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tôn giáo của các tín đồ. *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* vì thế đã thể hiện chính sách dân chủ, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Về vấn đề truyền đạo: So với các văn bản trước đó thì có bổ sung thêm nội dung: “1. Chức sắc, nhà tu hành được... truyền đạo tại các cơ sở tôn giáo. 2. Trường hợp... truyền đạo ngoài quy định tại khoản 1 Điều này phải có sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi thực hiện.” “1. Người đang chấp hành án phạt tù hoặc đang bị quản chế theo quy định của pháp luật thì không được... truyền đạo. 2. Đối với người đã chấp hành xong các hình phạt hoặc biện pháp xử lý hành chính quy định tại khoản 1 Điều này, chỉ sau khi được tổ chức tôn giáo đăng ký hoạt động và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được... truyền đạo”.

Pháp lệnh còn xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Đặc biệt, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước được quy định cụ thể theo hướng cải cách các thủ tục hành chính như trình tự, thời hạn, phân cấp rõ thẩm quyền giải quyết của chính quyền các cấp trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân tôn giáo.

Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo tiếp tục góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong việc điều chỉnh lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tôn giáo bằng pháp luật. Việt Nam đã thể hiện quyết tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân; riêng trên lĩnh vực quản lý về tổ chức và hoạt động tôn giáo được

thể hiện bằng việc ban hành hàng loạt Nghị định, Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo trên nguyên tắc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân và các hoạt động tôn giáo của các tổ chức tôn giáo, phù hợp với truyền thống văn hoá, đạo đức xã hội và pháp luật Việt Nam cũng như tương thích với luật pháp quốc tế về lĩnh vực này, làm cơ sở cho việc xây dựng Luật tín ngưỡng, tôn giáo trong tương lai.

Ngày 01/3/2005, Chính phủ ban hành *Nghị định số 22/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo*.

Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo và Nghị định số 22 của Chính phủ tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời là một trong những công cụ hữu hiệu giúp cho công tác quản lý có hiệu lực cao hơn, đạt hiệu quả tốt hơn.

Việc tái khẳng định những luận điểm ở Nghị quyết 24 và bổ sung thêm những điểm mới quan trọng đã chứng tỏ Đảng và Nhà nước ta vẫn đang kiên trì từng bước điều chỉnh, đổi mới tư duy, đường lối, chính sách tôn giáo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của đồng bào có đạo làm cho họ rất yên tâm, phấn khởi. Từ đó, khiến cho đồng bào có đạo ngày càng tin tưởng vào chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với tôn giáo là nhất quán tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào có đạo. Từ Nghị quyết số 24, qua các Chỉ thị, Nghị định, các kì Đại hội đến Nghị quyết số 25 và *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo*, Đảng ta đã đánh dấu một giai đoạn quan trọng đầu tiên trong quá trình đổi mới nhận thức, đường lối, chính sách tôn giáo. Điều

này chứng tỏ nhận thức về vấn đề tôn giáo của Đảng và Nhà nước có sự vận động, phát triển rõ rệt, chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của Đảng. Trong thời kì đất nước đang chuyển mình theo con đường hội nhập quốc tế, chính sách tôn giáo đã có những đóng góp quan trọng trong việc củng cố khối đoàn kết, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Hơn nữa, sự đổi mới chính sách tôn giáo còn góp phần làm thay đổi hình ảnh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên trường quốc tế.

Tổng kết lại, có thể thấy, những đổi mới trong nhận thức, đường lối, chính sách tôn giáo trong những năm 1990 đến 2004 thực sự là những thành tựu bước đầu rất đáng ghi nhận, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Thành tựu đạt được thể hiện rõ trên các phương diện: Cơ sở thờ tự của các tôn giáo được quan tâm nâng cấp, cải tạo, và xây dựng mới; Các cơ sở đào tạo và hoạt động đào tạo của các tôn giáo cũng được chú trọng phát triển về số lượng và quy mô; Việc in kinh sách phục vụ các tôn giáo cũng được tạo điều kiện thuận lợi. Hiện nay, các tôn giáo lớn ở Việt Nam đều có các tờ báo và tạp chí riêng phát hành trên toàn quốc; Các sinh hoạt tôn giáo như thực hiện lễ nghi, lễ hội tôn giáo, đặc biệt những ngày lễ trọng đều được tổ chức trọng thể, v.v...

Đánh giá về chính sách tôn giáo của Việt Nam trong những năm gần đây, đại sứ lưu động về tự do tôn giáo của Mỹ, John Hanfort, cho rằng: "Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng trong việc thúc đẩy tự do tôn giáo". Ngày 14/11/2006, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các nước "cần quan tâm đặc biệt về tự do tôn giáo"

(CPC). Có thể nói, đây là một quyết định đúng, thể hiện sự đánh giá khách quan, phù hợp với thực tế đời sống tôn giáo ở Việt Nam trong những năm gần đây.

Chính sách tôn giáo ngày càng được hoàn thiện hơn nhờ sự bổ sung, điều chỉnh không ngừng qua các văn bản pháp luật, cho đến thời điểm này là Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo. Tuy vậy, trong các điều khoản quy định của các Nghị định, Pháp lệnh vẫn còn những nội dung chưa được quy định chặt chẽ; có sự chồng chéo, mâu thuẫn khi cùng quy định về một vấn đề trong các văn bản pháp luật khác nhau; ngoài ra có nội dung quy định còn chung chung hoặc chưa cụ thể nên gây sự lúng túng cho các cơ quan chức năng trong việc áp dụng, thực thi pháp luật.

Ví dụ, trong một số văn bản luật còn có những cụm từ chung chung như “thực hiện theo quy định của pháp luật”, “bị xử lý theo pháp luật”... nhưng theo pháp luật là như thế nào, bộ luật nào? Rõ ràng, cần được cụ thể hóa “theo pháp luật” là như thế nào, nếu không sẽ gây ra sự lúng túng khi thực hiện.

Một khía cạnh khác nữa là chưa có chế tài trong xử lý các vi phạm về tôn giáo. Trong các văn bản đều thấy đề cập đến các nội dung mà Nhà nước “cấm” hoặc “không được” vi phạm, nhưng nếu vi phạm những điều “cấm” hoặc “không được” thì đối tượng vi phạm bị xử lý thế nào, khung hình phạt cụ thể ra sao? Khi chưa có khung hình phạt rõ ràng thì e rằng chưa đủ sức răn đe đối với những người vi phạm pháp luật.

Những đổi mới trong chính sách tôn giáo giai đoạn 1990 - 2004 là tiến bộ vượt bậc. Tuy nhiên, trong thời gian tiếp theo

cần tiếp tục điều chỉnh, bổ sung nhiều quy định nhằm:

- Tránh tạo kẽ hở trong quy định để các phần tử xấu lợi dụng gây rối trật tự, an ninh, chống phá chính quyền.

- Giúp chính quyền cơ sở khỏi lúng túng trong giải quyết những tình huống nằm ngoài quy định pháp luật.

- Hạn chế được những vụ việc về tôn giáo xảy ra do sự không chặt chẽ, mâu thuẫn chồng chéo trong các quy định của pháp luật.

- Thực hiện được tốt hơn mục đích đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Kết Luận

Giai đoạn 1990 - 2004 là giai đoạn hết sức quan trọng, đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong đổi mới nhận thức, đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

1. Sự đổi mới chính sách bắt đầu từ sự đổi mới nhận thức. Nếu trước đổi mới, ta nhìn nhận vấn đề tôn giáo một cách tiêu cực, phiến diện, chỉ nặng về góc độ chính trị, xã hội thì đến giai đoạn này tôn giáo được nhìn nhận ở góc độ tâm linh, tôn giáo có vai trò quan trọng trong văn hoá và phát triển.

Quan triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và việc giải quyết vấn đề tôn giáo, Đảng và Nhà nước ta thực hiện đổi mới chính sách tôn giáo trên tinh thần những nguyên tắc chỉ đạo là: Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo, không phân biệt người theo đạo hay không theo đạo, giữa các tín đồ các tôn giáo khác nhau. Nhấn mạnh yếu tố

đoàn kết, đoàn kết đồng bào các tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân. Nhà nước bảo đảm những hoạt động tôn giáo ích nước, lợi dân, phù hợp nguyện vọng, lợi ích chính đáng của tín đồ và khuyến khích những giá trị văn hoá đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, v.v...

2. Nhằm thể chế hóa các quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, hệ thống pháp luật về tôn giáo cũng được hoàn thiện một bước quan trọng. Thông qua các nghị quyết, chỉ thị, thông tư, thông cáo... của Đảng, các sắc lệnh, thông tư, nghị định, pháp lệnh... của Nhà nước về vấn đề tôn giáo, đặc biệt là Nghị quyết 24 (năm 1990), Chỉ thị 37 (năm 1998), Nghị quyết Trung ương 7 (năm 2003), Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo (năm 2004)... sự đổi mới chính sách tôn giáo được thể hiện rõ nét. Từng văn bản đều có sự khẳng định lại những quan điểm đã được thực tiễn kiểm nghiệm và sự điều chỉnh, bổ sung những quy định phù hợp với tình hình thực tiễn hay còn thiếu sót để cho chính sách về tôn giáo ngày càng đảm bảo tốt hơn nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân.

Tất cả đã tạo cơ sở pháp lí bảo đảm cho nhân dân thực hiện quyền cơ bản về tự do tín ngưỡng, tôn giáo; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lí Nhà nước đối với lĩnh vực tôn giáo.

3. Thực tế cho thấy sự đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian qua đã đem lại hiệu quả rất lớn, tình hình các tôn giáo được cải thiện rõ rệt. Đông đảo tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo yên tâm, phấn khởi, tin tưởng vào chính sách tôn giáo của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào yêu nước, xây dựng cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo".

4. Tuy nhiên, trước tình hình thực tế vô cùng phức tạp, biến đổi không ngừng, những điều khoản quy định đã ban hành không tránh khỏi những bất cập. Vì vậy, việc tiếp tục quá trình hoàn thiện chính sách tôn giáo, thông qua thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng tốt hơn đời sống tinh thần của đồng bào các tôn giáo là điều cần thiết.

Với những nội dung đã đề cập trên, tác giả hi vọng sẽ đóng góp phần nào nhận thức về chính sách tôn giáo của Nhà nước ta, đó là xu hướng cởi mở, thông thoáng đối với các tôn giáo và hoạt động của tôn giáo. Mặc dù chính sách về tôn giáo ở mỗi thời kì có những nội dung khác nhau nhưng đều thể hiện một mục đích: *bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; đoàn kết đồng bào lương, giáo; đoàn kết toàn dân tộc*. /.